

Phần A – Viết câu hoàn chỉnh

Dùng từ gợi ý để viết thành câu đầy đủ. Có thể phải đổi dạng động từ hoặc thêm từ.

1. My math class / start / 9 a.m. / on Fridays
2. moon / shine / at / night
3. your sister / enjoy / read / comics?
4. He / usually / watch / TV / after / dinner
5. My friends / have / different / hobbies
6. We / find / playing chess / very useful / because / it / help / us / think logically
7. My cousin / not / like / swimming / because / he / afraid / deep water
8. My mother / keen / gardening / every weekend
9. She / interested / learn / play / guitar
10. Alex / enjoy / take / photos / when / travel

Phần B – Sắp xếp từ thành câu

Sắp xếp các từ sau để tạo câu đúng.

1. cooking / loves / grandmother / My
2. hates / cleaning / brother / his / room
3. travelling / by / loves / bus / My / aunt
4. emails / writing / short / like / I
5. horror / films / dislikes / watching / She
6. dancing / disco / loves / at / Peter
7. teacher / speaking / loves / My / English
8. sister / doesn't / early / like / getting / up / My
9. mornings / jogging / in / enjoys / He
10. bath / having / nights / loves / James

Phần C – Viết lại câu không đổi nghĩa

Viết lại câu theo mẫu cho sẵn.

1. I find reading books interesting. → I think.....
2. There are six people in my family (has). →
3. My father doesn't like cooking (hate). →.....
4. My mother goes to work by bus every day (ride). →
5. She loves collecting dolls. (keen) →